

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHỔ YÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:135/2020/HSST
Ngày: 16/9/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Thủy.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Quý Minh Ánh.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 16/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/2020/HSST ngày 26/5/2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/QĐXX-ST ngày 17/7/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thúy H; tên gọi khác: không; sinh năm 1988, tại Phổ Yên – Thái Nguyên; trú tại: Xóm TT, xã TH, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T và bà Đỗ Thị L; có chồng thứ nhất là Lâm Văn S (đã ly hôn) có 2 con chung (lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2009), chồng thứ hai là Lê Hiếu K, có 02 con chung, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 29/11/2019, bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 776/2019/HSPT, chưa đi chấp hành án do đang phải nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi.

Bị cáo không bị giam giữ, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại: xóm TT, xã TH, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên (có mặt).

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Đặng Văn S – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư ĐS & Công sự, đoàn Luật sư thành phố Hà Nội

Địa chỉ: số 31, ngõ 192-TT-YS - Hoàng Mai- Hà Nội(có mặt).

* *Người bị hại:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1990, trú tại: Thôn HN, xã TC, huyện TT, tỉnh Thái Bình (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông Đỗ Ngọc A và ông Nguyễn Minh L – Luật sư – Công ty luật DRAGON – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Phòng 6, tầng 14, tòa nhà VIMECO – PH – TH – Cầu Giấy – Hà Nội (có mặt)

* *Người làm chứng:*

- Chị Đinh Thị N, sinh năm 1996, trú tại: Xóm 9, xã TN, huyện HH, tỉnh Thái Bình.

- Anh Nguyễn Cảnh M, sinh năm 1991, trú tại: Xóm 1, xã TV, huyện TC, tỉnh Nghệ An.

- Anh Lê Hiếu K, sinh năm 1978, trú tại: Số 10 đường vành đai AD - TQ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1996, trú tại: Thôn HN, xã TC, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Chị N, anh M, anh K, chị D đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2018, do cần tiền để chi tiêu cá nhân, thông qua chị Đinh Thị N là bạn của anh Nguyễn Văn D đang làm tại Công ty Sam sung Phở Yên, Thái Nguyên. Biết anh D đang có nhu cầu xin việc làm cho vợ vào làm việc tại Công ty Sam sung Thái Nguyên. Nguyễn Thị Thúy H đã nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tiền xin việc của anh D bằng hình thức đưa ra thông tin đang công tác tại Phòng nhân sự công ty trách nhiệm hữu hạn Sam sung Việt Nam tại khu công nghiệp Yên Phong 1, huyện Yên Phong, Bắc Ninh có thể xin được việc vào làm tại công ty trách nhiệm hữu hạn Sam sung tại Phở Yên, Thái Nguyên. Do tin tưởng H xin được việc làm cho vợ mình. Khi đang làm việc tại Phở Yên, Thái Nguyên, anh D đã nhiều lần chuyển tiền cho H để xin việc với tổng số tiền là 217.000.000đ (hai trăm mười bảy triệu đồng), cụ thể: Qua ứng dụng chuyển tiền qua điện thoại từ tài khoản của anh tại ngân hàng Vietcombank vào số tài khoản ngân hàng Vietinbank của chị N, sau đó nhờ

chị N rút đưa lại cho H, lần 1 ngày 29/3/2018 chuyển 10.000.000đ; lần 2 ngày 30/3/2018 chuyển 20.000.000đ; lần 3 ngày 04/4/2018 chuyển 20.000.000đ; lần 4 cũng ngày 04/4/2018 chuyển 20.000.000đ; lần 5 ngày 08/4/2018 chuyển 7.000.000đ; lần 6 ngày 23/4/2018 chuyển 20.000.000đ; lần 7 cũng ngày 23/4/2018 chuyển 20.000.000đ; lần 8 ngày 22/5/2018, anh D nhờ qua tài khoản của anh Nguyễn Cảnh M làm cùng với anh chuyển từ số tài khoản ngân hàng Vietcombank chi nhánh tại Phổ Yên, Thái Nguyên của anh M vào tài khoản của Lê Hiếu K là chồng của H, tại ngân hàng Agribank số tiền 10.000.000đ; lần 9 cũng từ tài khoản của anh Mùi vào số tài khoản của Kiên số tiền 50.000.000đ; lần 10 ngày 30/5/2018, anh chuyển trực tiếp tiền mặt cho H với số tiền 40.000.000đ tại 279 - NXQ, TQ, Gia Lâm, Hà Nội. Tổng số tiền anh D đã chuyển cho H để nhờ xin việc là 217.000.000đ (hai trăm mười bảy triệu đồng). Sau khi chuyển tổng số tiền 217.000.000đ cho H ngày 30/5/2018, giữa anh D với H có làm văn bản thỏa thuận thống nhất ký kết nội dung đảm bảo xin việc cho chị Trần Thị Thương H là vợ anh D và cam kết cho vợ anh D được vào làm tại phòng nhân sự Công ty Sam sung tại Phổ Yên, Thái Nguyên với mức lương chính thức sau khi thử việc là 22.000.000đ/tháng, chưa tính thưởng và trợ cấp. Trường hợp chị H vợ anh D không được nhận vào làm việc tại Công ty theo thỏa thuận, H có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền 217.000.000đ và chịu phạt vi phạm nếu không thực hiện được cam kết là 100.000.000đ chậm nhất vào ngày 20/6/2018.

Quá thời hạn cam kết xin việc như đã nêu trong văn bản thỏa thuận, nhưng vợ anh D vẫn không được đi làm, anh D đã nhiều lần yêu cầu H trả lại số tiền 217.000.000đ và tiền phạt vi phạm văn bản thỏa thuận nhưng H không trả nên anh D đã làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phổ Yên để điều tra xử lý hành vi của H.

Quá trình điều tra, H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Tổng số tiền H đã nhận của anh D mục đích xin việc làm cho vợ anh D vào Công ty Sam sung tại Phổ Yên, Thái Nguyên, thông qua việc anh D chuyển khoản vào tài khoản của chị N là 117.000.000đ, sau đó chị N rút toàn bộ đưa lại cho H; 60.000.000đ chuyển vào số tài khoản của Lê Hiếu K là chồng của H, tài khoản này anh K xác định đã cho H để H sử dụng và một lần H nhận trực tiếp tiền mặt từ anh D số tiền 40.000.000đ. Sau khi nhận được tiền của anh D, H đã sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân hết, đến nay không có khả năng trả lại số tiền này. Qua xác minh, H là đối tượng lao động tự do, từ trước đến nay chưa làm công việc gì tại Phòng nhân sự Công ty Sam sung, H xác định bản thân không có khả năng xin việc cho ai. Quá trình nhận tiền của anh D, H có soạn thảo 01 văn bản thỏa thuận xin việc cho vợ anh D với tổng số tiền là 217.000.000đ có ký tên và viết Nguyễn Thị Thúy H.

Tại Kết luận giám định số 1481/KL-KTHS ngày 28/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết dưới chữ ký mang tên Nguyễn Thị Thúy H trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A) ký, viết trực tiếp.

2. Chữ ký, chữ viết dưới chữ ký mang tên Nguyễn Thị Thúy H trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết dưới chữ ký của Nguyễn Thị Thúy H trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2, M3) do cùng một người ký viết ra.

Bản cáo trạng số 97/CT-VKSPY ngày 26/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thúy H về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thị Thúy H đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thúy H phạm tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị Thúy H từ 07 năm đến 08 năm tù. Áp dụng Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt của bản án số 776/2019/HSPT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, buộc bị cáo Hằng phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án từ 19 đến 20 năm tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo H phải hoàn trả cho anh Nguyễn Văn D số tiền 217.000.000đ (hai trăm mười bảy triệu đồng).

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên về tội danh. Về điều luật áp dụng đề nghị cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ người phạm tội là phụ nữ có thai quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 BLHS, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 BLHS xử bị cáo H dưới khung hình phạt ở mức thấp nhất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát về tội danh. Về điều luật áp dụng đề nghị áp dụng thêm tình tiết cho tính chất chuyên nghiệp và tái phạm từ đó nhận thấy mức hình phạt theo đề nghị của Viện kiểm sát đối với bị cáo H là quá nhẹ. Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo H phải bồi thường cho anh D số tiền đúng theo văn bản thỏa thuận ngày 30/5/2018 giữa bị cáo H và D, bị cáo phải bồi thường số tiền 217.000.000đồng và 100.000.000đồng tiền phạt.

Bị cáo, bị hại không tranh luận gì về tội danh, về trách nhiệm dân sự anh D đề nghị bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền 317.000.000đồng, bị cáo không nhất trí.

Viện kiểm sát đối đáp với người bào chữa cho bị cáo H: Không chấp nhận cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội là phụ nữ có thai. Bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên đề nghị Hội đồng xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Không chấp nhận xử bị cáo dưới khung hình phạt vì không thỏa mãn các quy định tại Điều 54 của BLHS. Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại cho rằng bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và tái phạm, tái phạm nguy hiểm là không đúng bởi lẽ: Bị cáo bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm vào ngày 29/11/2019. Bị cáo phạm tội vào tháng 3 năm 2018 như vậy là phạm tội trước khi xét xử. Căn cứ theo quy định tại Điều 53 BLHS thì không thuộc trường hợp tái phạm hay tái phạm nguy hiểm, về tình tiết có tính chất chuyên nghiệp thì trong lần phạm tội bị đưa ra xét xử này bị cáo chỉ phạm tội một lần, đối với một người và đây không phải là nguồn sống chính của bị cáo, bị cáo có nghề làm tóc. Về trách nhiệm bồi thường dân sự không chấp nhận việc bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền phạt 100.000.000 đồng theo văn bản thỏa thuận vì đây là vụ án hình sự, không phải là vụ án dân sự, nếu thỏa thuận đó là hợp pháp thì bị cáo không phạm tội hình sự. Do vậy lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không có căn cứ chấp nhận. Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như luận tội và đề nghị như nêu ở trên.

Nói lời nói sau cùng của bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phổ Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, những người làm chứng vắng mặt, tuy nhiên quá trình điều tra họ đã có lời khai rõ ràng, đầy đủ được lưu tại hồ sơ vụ án, lời khai của những người làm chứng phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại và các chứng cứ trong vụ án nên sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến sự thật khách quan của vụ án.

Căn cứ vào Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự cần xét xử vắng mặt những người làm chứng.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên toà là khách quan, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, với vật chứng thu được và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ trong hồ sơ vụ án như các bản sao kê tài khoản do Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Thái Nguyên cung cấp, văn bản thỏa thuận có chữ ký và điểm chỉ của bị cáo H, kết luận về giám định chữ ký, chữ viết trong văn bản thỏa thuận của bị cáo H, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận. Do muốn có tiền để tiêu xài mà không chịu lao động làm ăn chân chính, năm 2018 Nguyễn Thị Thúy H đã đưa ra thông tin gian dối, nói dối bị hại là anh Nguyễn Văn D là H đang công tác tại Phòng nhân sự công ty trách nhiệm hữu hạn Sam sung Việt Nam tại khu công nghiệp Yên Phong 1, huyện Yên Phong, Bắc Ninh có thể xin được việc vào làm tại công ty trách nhiệm hữu hạn Sam sung tại Phở Yên, Thái Nguyên, với mức lương cao để bị hại là anh D tin tưởng H xin được việc làm cho vợ mình. Khi đang làm việc tại Phở Yên, Thái Nguyên, anh D đã nhiều lần chuyển tiền cho H để xin việc cụ thể từ ngày 29/3/2018 đến ngày 30/5/2018, tại Phở Yên, Thái Nguyên và tại Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội. Nguyễn Thị Thúy H đã có hành vi nhận tiền và chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn D (09 lần chuyển qua tài khoản của chị N và anh K; 01 lần nhận tiền mặt trực tiếp từ anh D). Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 217.000.000đ (hai trăm mười bảy triệu đồng) rồi tiêu sài cá nhân hết không có khả năng trả lại tiền cho anh D. Hành vi, ý thức nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị Thúy H đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Do đó bản Cáo trạng số 97/CT-VKSPY ngày 26/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phở Yên truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. ...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;”

[4]. Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong nhân dân. Vì vậy cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự để giáo dục bị cáo và đề răn đe phòng ngừa chung.

[5]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo xuất thân từ nhân dân lao động, chưa có tiền án, tiền sự. Ngày 29/11/2019 bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phúc thẩm phạt 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 776/2019/HSPT, chưa đi chấp hành án do đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Số tiền bị cáo chiếm đoạt đã chi tiêu cá nhân hết và đến nay chưa bồi thường gì cho bị hại. Thể hiện sự thiếu ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người có nhân thân xấu. Do vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo bị cáo thành công dân tốt.

Mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, cần chấp nhận.

Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội với động cơ vụ lợi, lẽ ra cần phải phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có tài sản và đang nuôi con nhỏ nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 217.000.000đồng mà bị cáo H chiếm đoạt của anh D đến nay bị cáo chưa trả lại cho anh D. Do vậy cần buộc bị cáo H có trách nhiệm trả lại cho anh D số tiền này.

Đối với yêu cầu của bị hại anh D đề nghị bị cáo phải bồi thường số tiền phạt 100.000.000đồng theo văn bản thỏa thuận ngày 30/5/2018 giữa bị cáo H và anh D. Hội đồng xét xử thấy đây không phải là vụ án dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, việc thỏa thuận là không đúng quy định của pháp luật, chính

vì thỏa thuận không đúng quy định của pháp luật nên bị cáo đã bị truy tố và đưa ra xét xử về hình sự. Tại phiên tòa anh D cũng khẳng định số tiền này phần lớn là tiền của cá nhân anh, một phần là anh vay mượn của bạn bè không phải chịu lãi suất. Do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của bị hại.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này chị Đinh Thị N và anh Lê Hiếu K là những người mà anh D đã chuyển tiền qua tài khoản để nhờ rút đưa cho H. Họ không biết việc H lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên cơ quan điều tra không xử lý gì là thỏa đáng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thúy H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Về hình phạt chính: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Bị cáo Nguyễn Thị Thúy H 08 (tám) năm tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt của bản án số 776/2019/HS - PT Ngày 29/11/2019, của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thúy H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là: 20 (hai mươi năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo H.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự: Điều 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thúy H có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn D số tiền 217.000.000 đồng (hai trăm mười bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo H không trả được số tiền trên, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bị cáo phải chịu lãi suất chậm trả do Ngân hàng Nhà nước quy định, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất được thực hiện theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Thị Thúy H phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 10.850.000đồng án phí dân sự để sung quỹ Nhà nước.

4. *Về quyền kháng cáo:* Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cơ quan điều tra Công an thị xã Phổ Yên;
- THAHS;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã TH;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên)**

Hà Thị Thu Thủy